

CHƯƠNG 6

THỊ TRƯỜNG CÁC YẾU TỐ SẢN XUẤT

NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG 6

- Đặc trưng cơ bản của thị trường các yếu tố sản xuất.
- Thị trường lao động
- Thị trường vốn
- Thị trường đất đai

Đặc trưng cơ bản của thị trường các yếu tố sản xuất.

- Thị trường yếu tố sản xuất bao gồm 3 nhóm cơ bản: lao động, vốn và đất đai
- Giá của lao động là tiền công, giá của đất đai là tiền thuê đất đai, giá của vốn là tiền thuê vốn (lãi suất).
- Giá của các yếu tố sản xuất chính là thu nhập của những sở hữu yếu tố sản xuất đó.

Đặc trưng cơ bản của thị trường các yếu tố sản xuất.

- Khác với thị trường hàng hóa, trên thị trường yếu tố sản xuất, các doanh nghiệp đóng vai trò của người mua (cầu) còn các hộ gia đình đóng vai trò của người cung cấp các nguồn lực (cung).
- Cầu đối với bất cứ yếu tố sản xuất nào cũng là cầu thứ phát (derived demand).
- Để tối đa hóa lợi nhuận, các doanh nghiệp cũng so sánh chi phí cận biên của một yếu tố với doanh thu cận biên mà yếu tố đó tạo ra.

THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

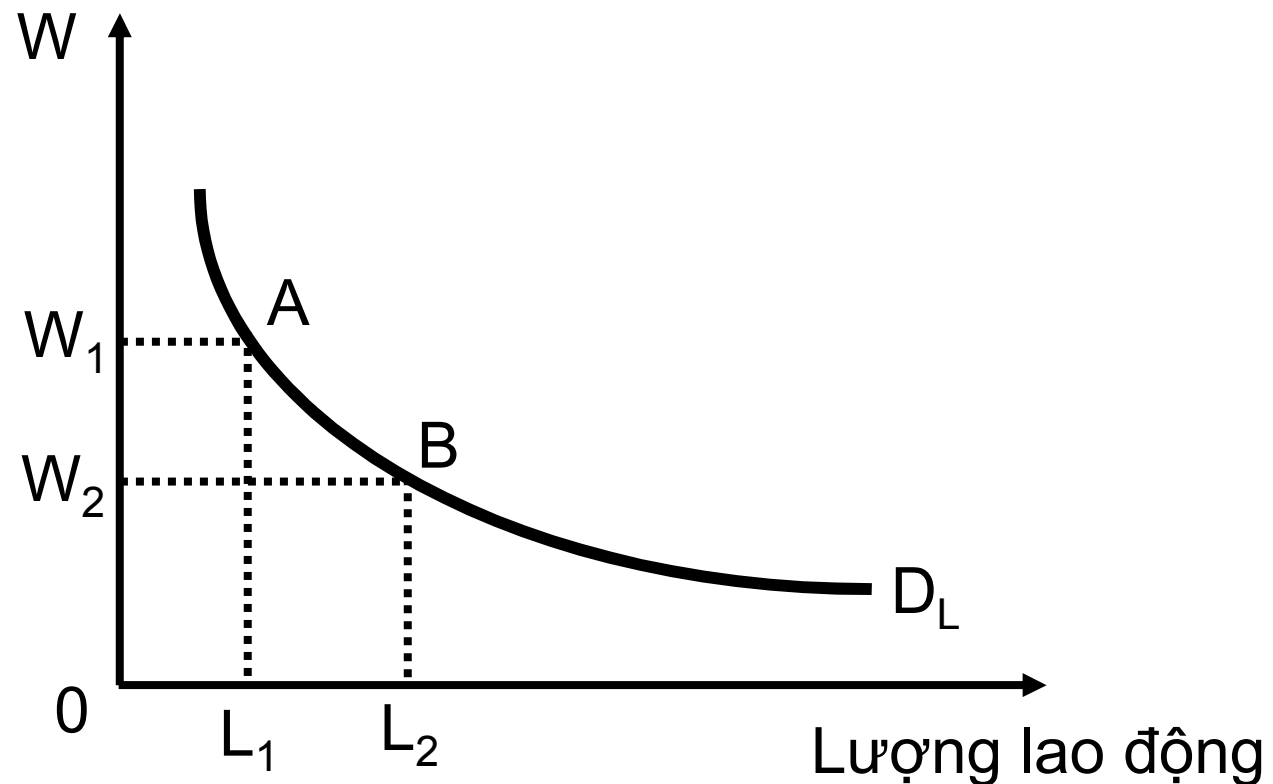
- Cầu đối với lao động
- Cung về lao động
- Cân bằng trên thị trường lao động
- Tiền công tối thiểu và những quy định về tiền công tối thiểu

Khái niệm cầu lao động

- Là số lượng lao động mà doanh nghiệp muốn thuê và có khả năng thuê tại các mức tiền công khác nhau trong một khoảng thời gian nhất định.
- Cầu đối với lao động là cầu thứ phát, nó phụ thuộc vào cầu đối với hàng hóa và dịch vụ trên thị trường hàng hóa.
- Cầu đối với lao động phụ thuộc vào giá cả của lao động.

Đồ thị cầu đối với lao động

- D_L là đường dốc xuống và có độ dốc âm.
- Cầu lao động trong dài hạn thoải hơn cầu lao động trong ngắn hạn.



Sản phẩm doanh thu cận biên của lao động (MRP_L)

- MRP_L Là phần doanh thu tăng thêm do sử dụng thêm một đơn vị đầu vào lao động.
- Doanh thu cận biên (MR) là mức doanh thu tăng thêm do bán được thêm một đơn vị sản phẩm.
- Sản phẩm cận biên của lao động (MP_L) là mức sản phẩm tăng thêm khi thuê thêm một đơn vị đầu vào lao động.

Sản phẩm... (tiếp)

- Giá trị của $MRP_L = \Delta TR / \Delta L = TR'_{(L)} = MR \cdot MP_L$
- Thị trường CTHH: $MRP_L = MVP_L = MP_L \cdot P_0$
(trong đó: P_0 là giá thị trường, MVP_L còn được gọi là sản phẩm giá trị cận biên của lao động).
- Điều kiện thuê lao động của doanh nghiệp là:
Sản phẩm doanh thu cận biên bằng mức tiền công phải trả cho người lao động. $MRP_L = W_0$

Ví dụ: Một người chủ thuê lao động hái nho. Diện tích (K) của vườn là cố định, chỉ có một yếu tố đầu vào biến đổi duy nhất là lao động (L). Người chủ sẽ bán ra thị trường với giá $P_0 = \$3/\text{giỏ}$ nho. Tiền công phải trả cho người lao động là $W_0 = \$6/\text{giờ}$. Lượng nho hái được với các lượng lao động khác nhau được cho ở bảng. Hãy xác định số lượng lao động mà chủ doanh nghiệp cần thuê.

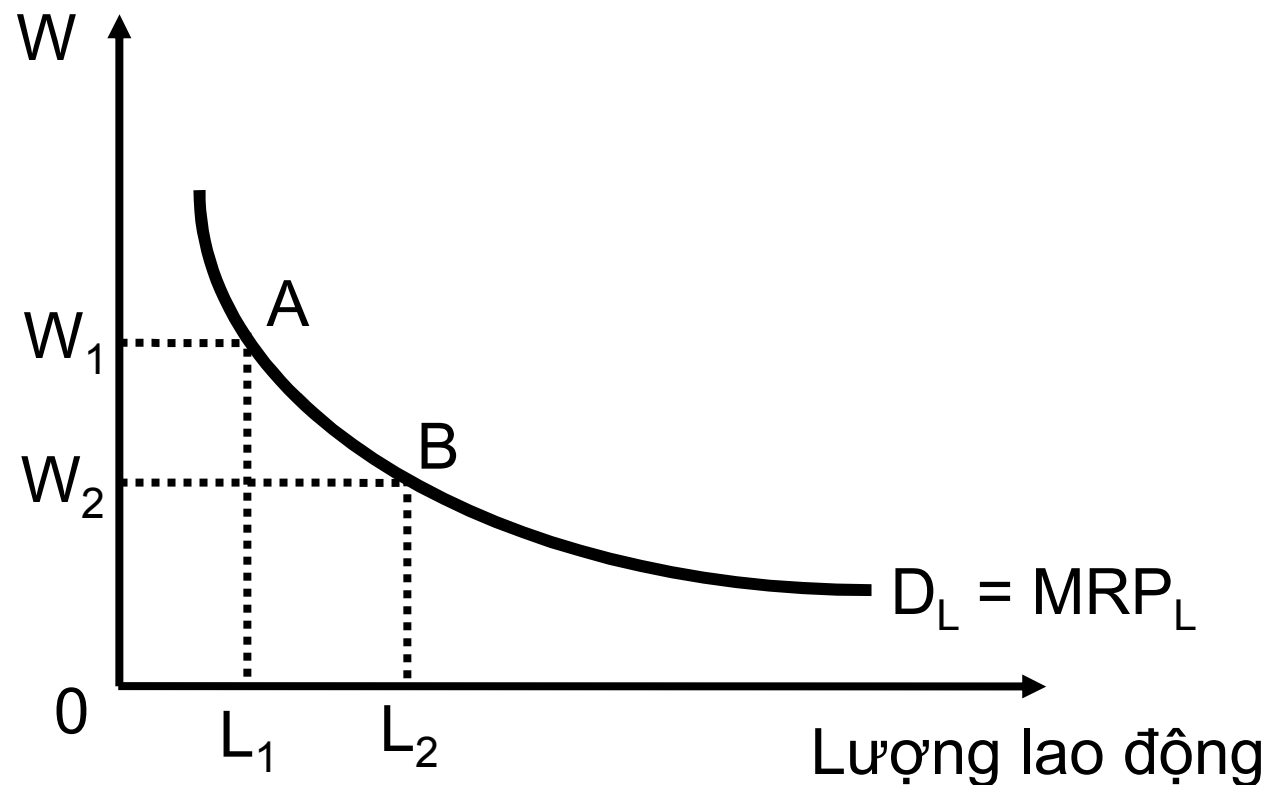
L (người/giờ)	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Q (thùng/giờ)	5	10	14	17	19	20	20	18	15

Xác định số lượng lao động cần thuê

L	Q	P ₀	MP _L	MRP _L	W ₀	ΔΠ	ΣΠ
1	5	3	5	15	6	9	Π↑
2	10	3	5	15	6	9	Π↑
3	14	3	4	12	6	6	Π↑
4	17	3	3	9	6	3	Π↑
5	19	3	2	6	6	0	Π _{max}
6	20	3	1	3	6	-3	Π↓
7	20	3	0	0	6	-6	Π↓
8	18	3	-2	-6	6	-16	Π↓
9	15	3	-3	-9	6	-15	Π↓

Đồ thị đường MRP_L chính là
đường cầu về lao động

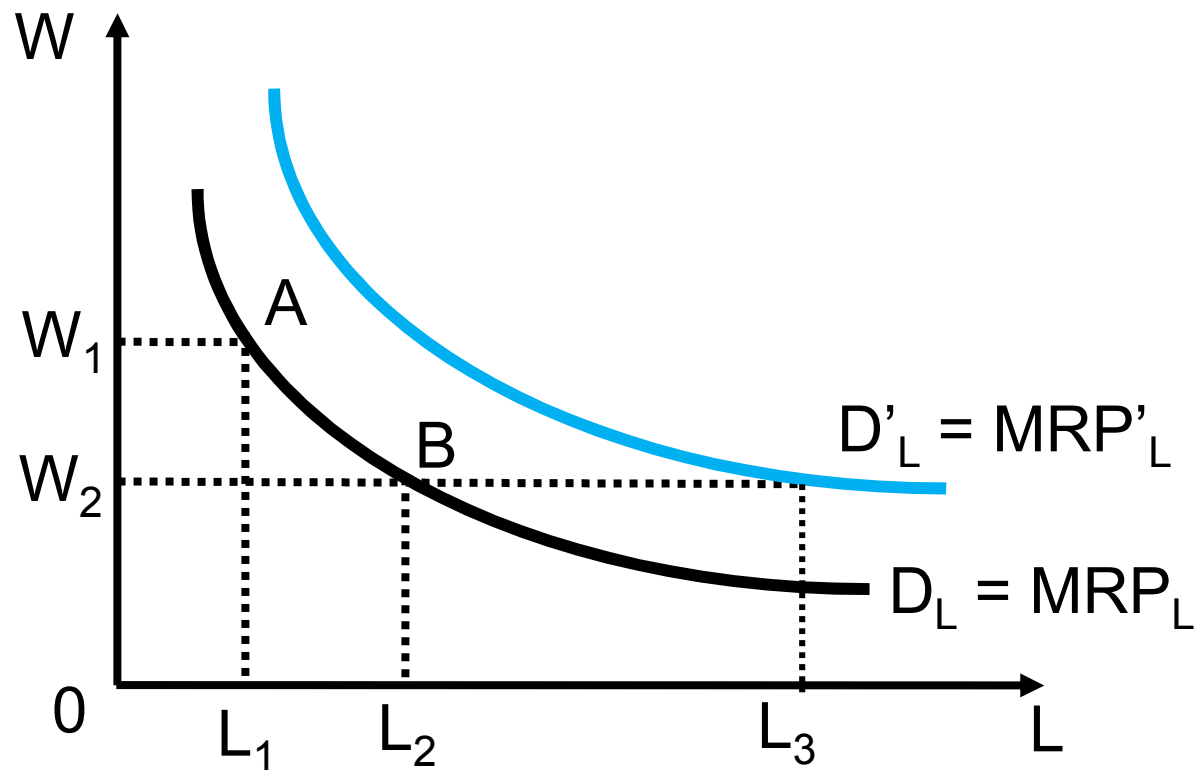
- Vì hãng luôn lựa chọn thỏa mãn $MRP_L = W_0$ và khi W tăng thì L được thuê giảm.



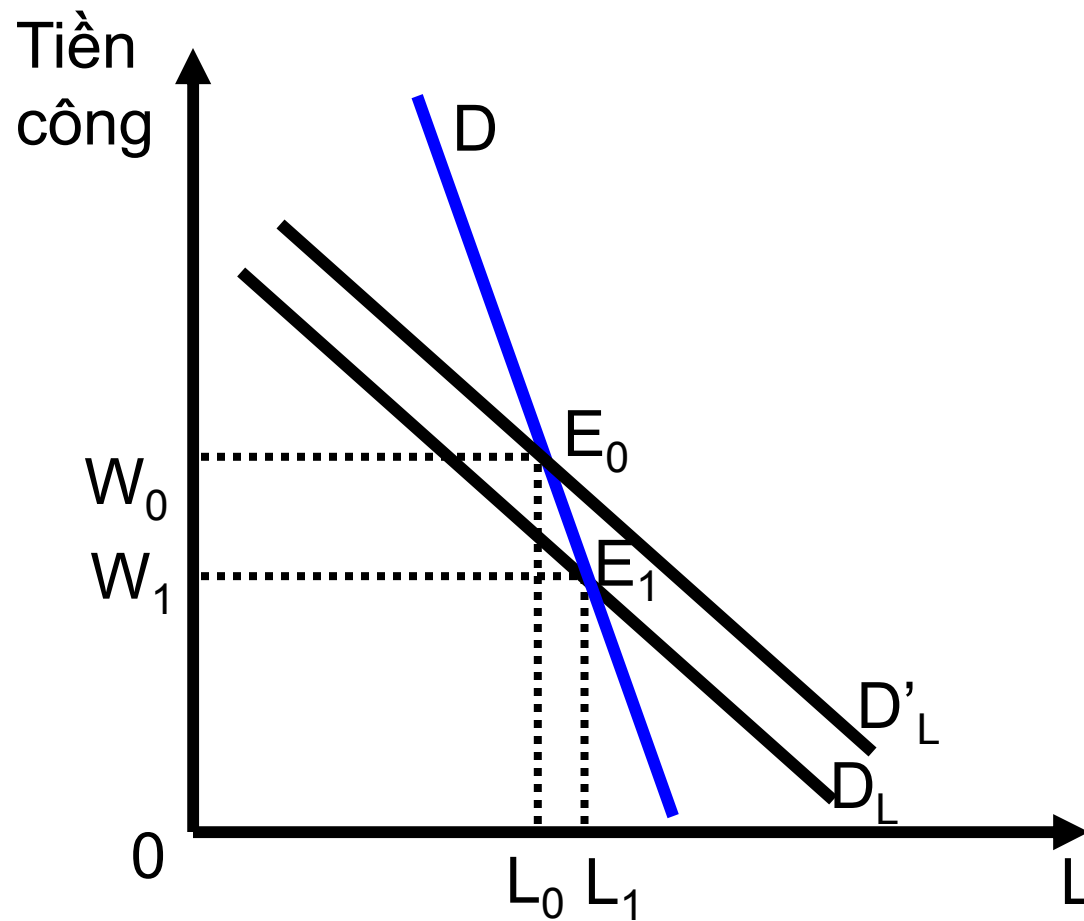
Các nhân tố tác động đến việc thuê lao động

- Khi mức tiền công thay đổi thì lượng lao động thuê sẽ thay đổi ngược chiều với nó.
- Ảnh hưởng của sự thay đổi về năng suất: Năng suất tăng lên thì đường MRP_L sẽ dịch chuyển sang phải, số lượng lao động được thuê cũng sẽ tăng lên và ngược lại.

Sự thay đổi của năng suất lao động



Xác định đường cầu lao động thị trường qua các đường cầu lao động của từng doanh nghiệp



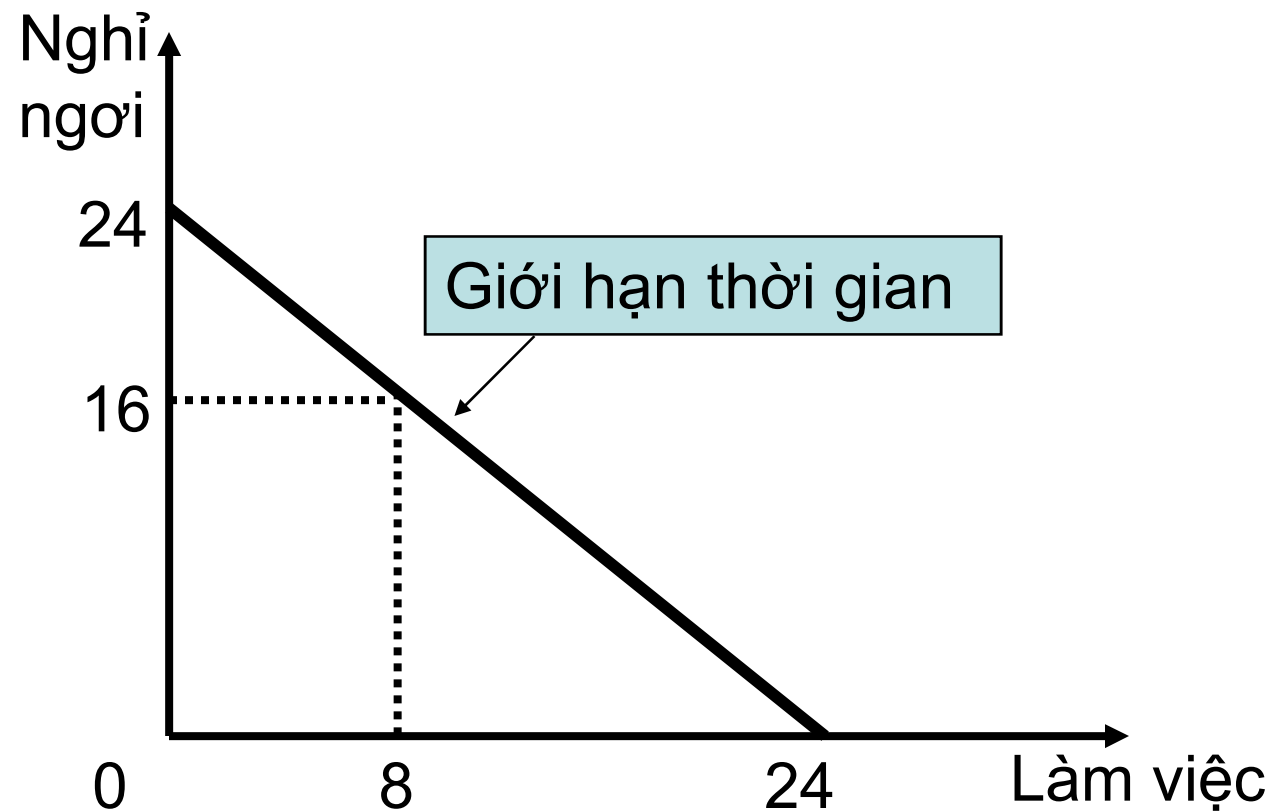
Khái niệm cung lao động

- Cung lao động là khả năng cung ứng sức lao động của người lao động,
- là số lượng người đang tìm kiếm việc làm,
- là lực lượng lao động của xã hội

Các nhân tố ảnh hưởng đến cung lao động.

- Sự thỏa mãn nhu cầu của con người.
- Các áp lực về tâm lý xã hội
- Các áp lực về kinh tế
- Phạm vi thời gian

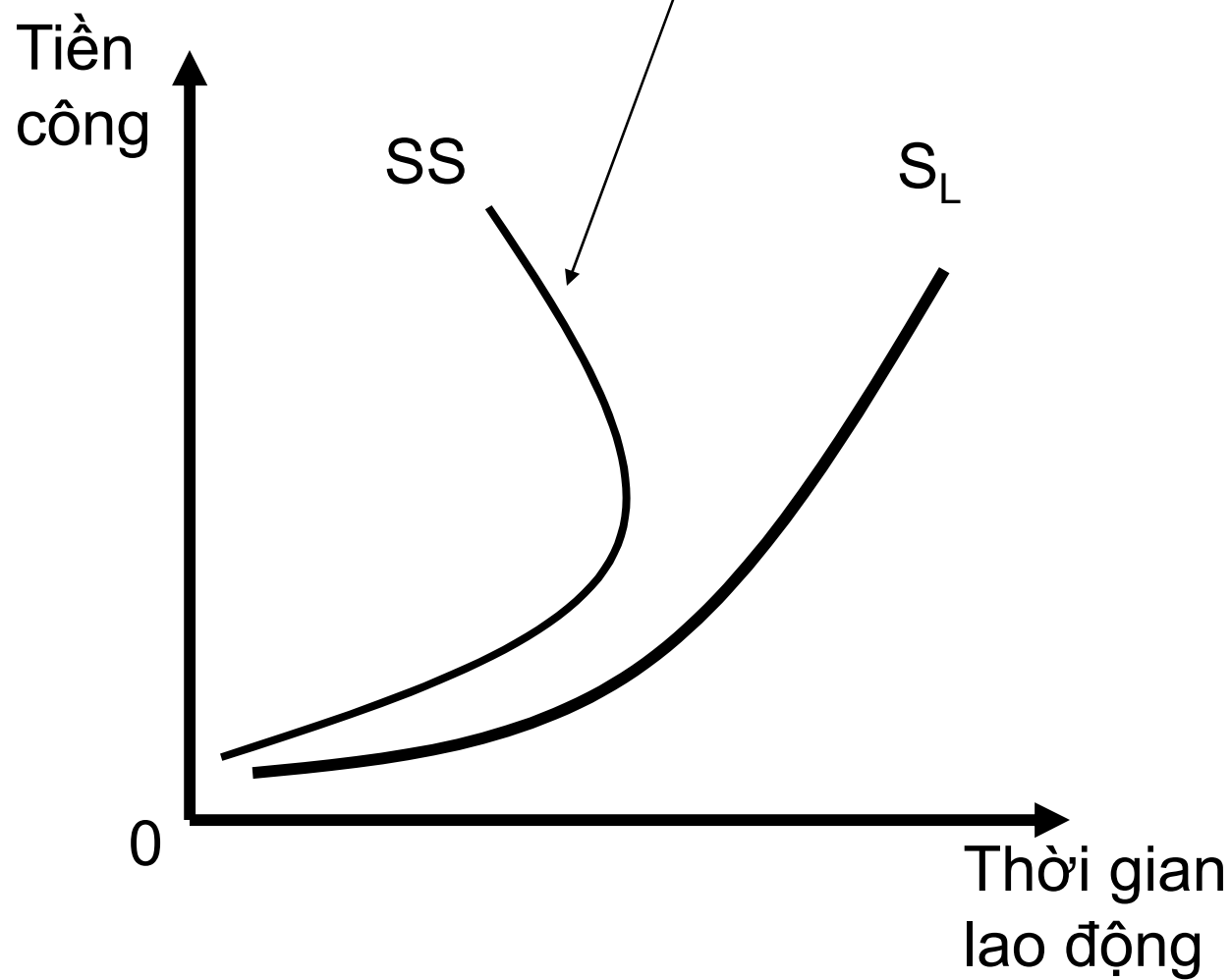
Thời gian lao động



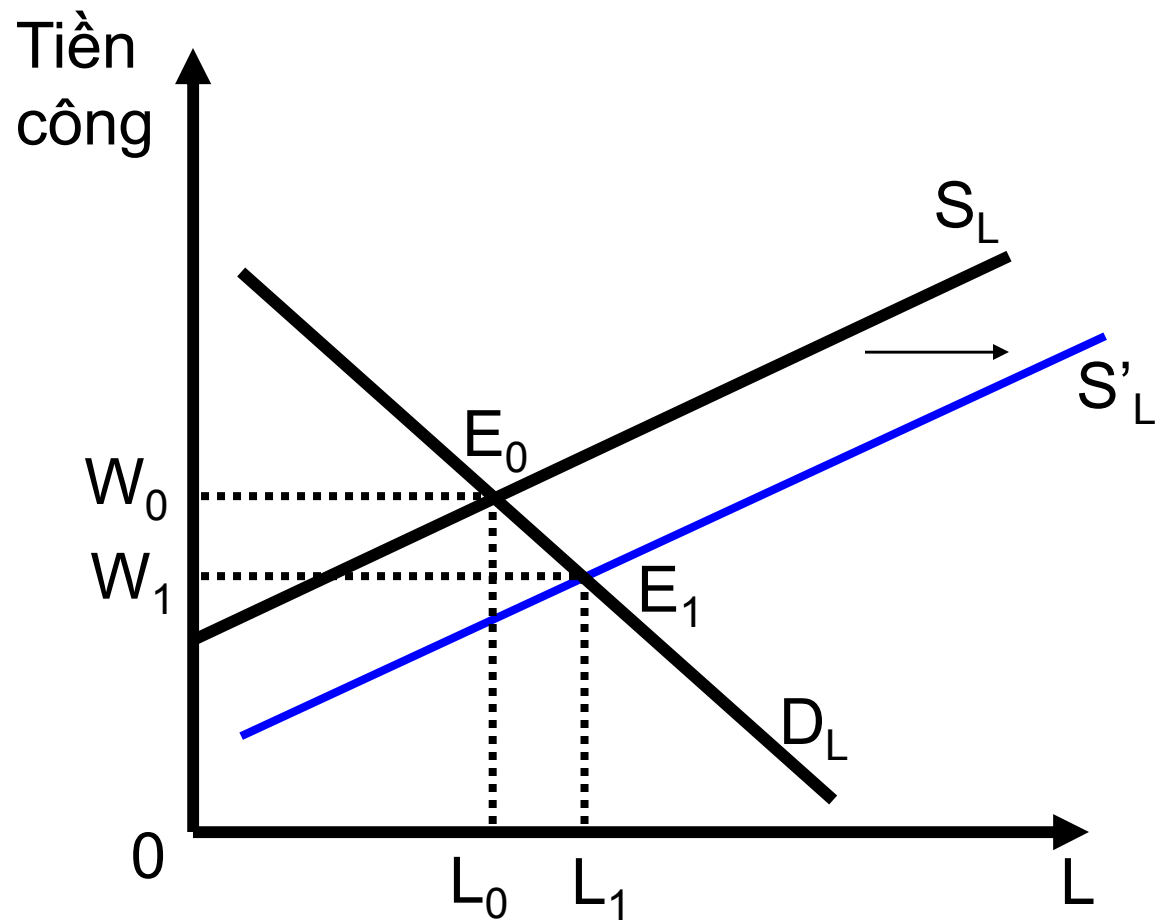
Ảnh hưởng của thời gian lao động

- Khi thu nhập còn thấp, người lao động muốn dành nhiều thời gian kiếm tiền hơn là dành thời gian nghỉ ngơi.
- Khi thu nhập của họ đã cao, người lao động muốn dành thời gian cho nghỉ ngơi nhiều hơn là đi làm việc.
- Đường cung lao động cá nhân là đường cong vòng ra phía sau. Đường cung lao động của ngành vẫn là đường dốc sang lên về phía phải

Đường cung lao động cá nhân

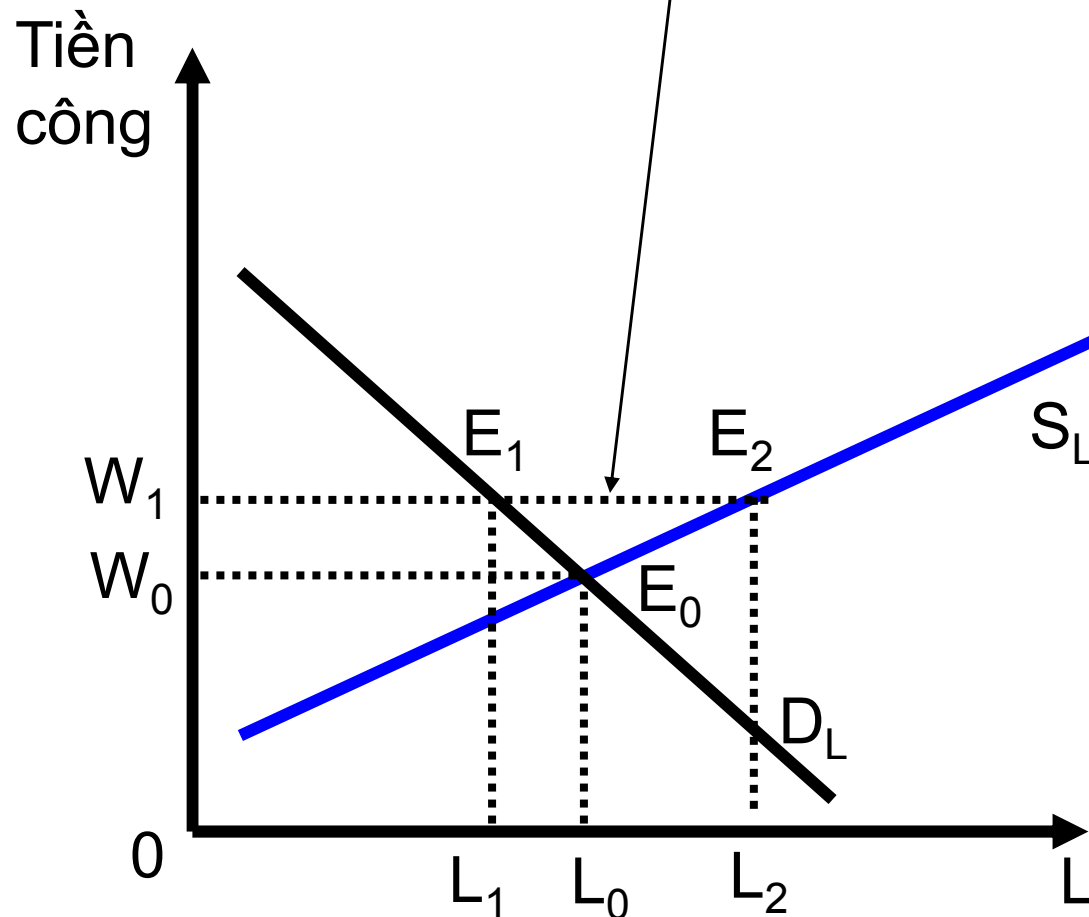


Cân bằng trên thị trường lao động



Quy định về tiền công tối thiểu

- Mức thất nghiệp là $\Delta L = L_2 - L_1$



Thị trường vốn

- Vốn hiện vật là các hàng hóa đã được sản xuất và được sử dụng để sản xuất ra các hàng hóa và dịch vụ khác có lợi hơn.
- Vốn hiện vật bao gồm: máy móc, trang thiết bị, kho-bến-bãi,...
- Vốn hiện vật khác với vốn tài chính, vốn hiện vật là tài sản hữu hình của DN.

Thị trường vốn

- Vốn hiện vật có thể mua, bán và cho thuê nên phải có giá.
- Giá của tài sản là tổng số tiền có thể mua hẳn số tài sản đó. Giá của tài sản là lãi suất.
- Khi mua hẳn tài sản, người mua sẽ được quyền sở hữu và quyền sử dụng các dịch vụ do các hàng hóa đó tạo ra trong tương lai.

Xác định giá trị hiện tại của vốn

- Gọi i là lãi suất, NPV là giá trị hiện tại ròng của vốn, NFV là giá trị tương lai của vốn, R là doanh thu, C là chi phí, n là số năm thuê vốn và Π là lợi nhuận.
- Công thức đơn giản xác định giá trị hiện tại của vốn: $NFV = (1 + i)^n \cdot NPV$.

Xác định giá trị hiện tại của vốn

$$NPV = R - C$$

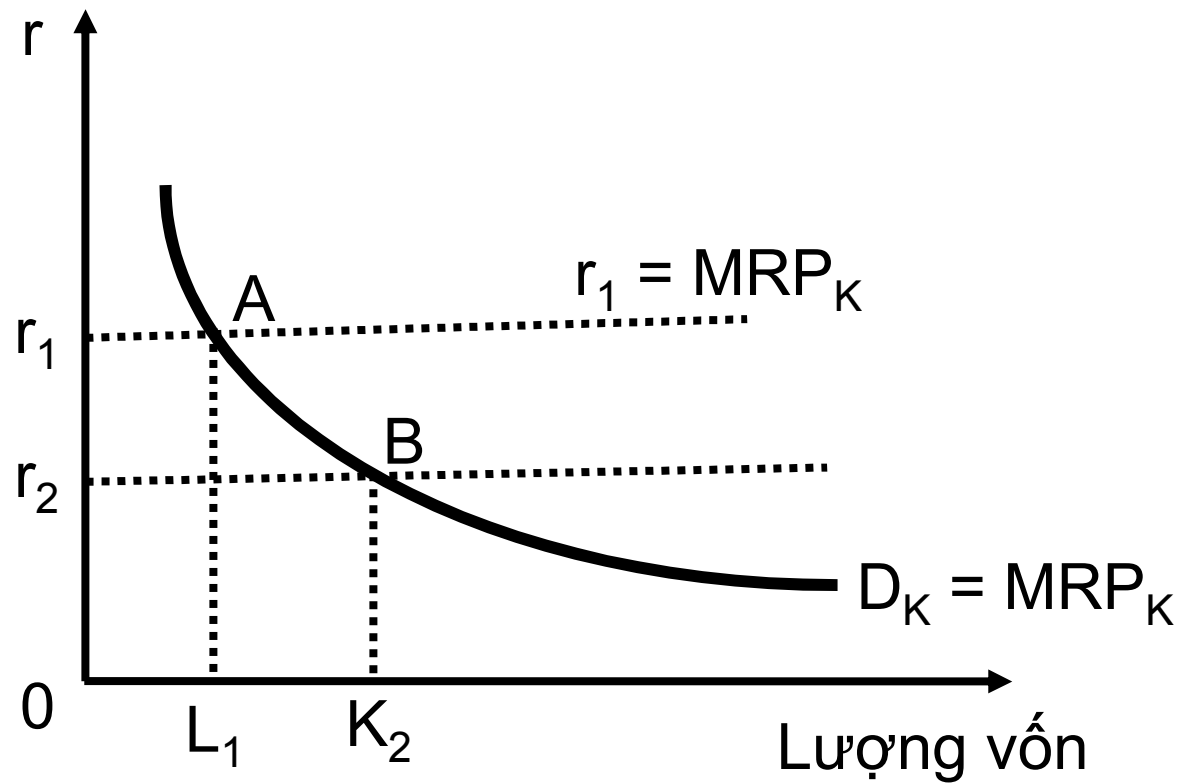
$$= \left[R_0 + \frac{R_1}{(1+i)^1} + \frac{R_2}{(1+i)^2} + \dots + \frac{R_T}{(1+i)^T} \right] \\ - \left[C_0 + \frac{C_1}{(1+i)^1} + \frac{C_2}{(1+i)^2} + \dots + \frac{C_T}{(1+i)^T} \right]$$

$$NPV = \left[R_0 - C_0 + \frac{R_1 - C_1}{(1+i)^1} + \frac{R_2 - C_2}{(1+i)^2} + \dots + \frac{R_T - C_T}{(1+i)^T} \right] \\ = \left[\pi_0 + \frac{\pi_1}{(1+i)^1} + \frac{\pi_2}{(1+i)^2} + \dots + \frac{\pi_T}{(1+i)^T} \right]$$

Cầu về dịch vụ vốn của doanh nghiệp

- Xác định tương tự như cầu về lao động.
Đường cầu về dịch vụ vốn chính là đường sản phẩm doanh thu cận biên của vốn.
- Điều kiện để các doanh nghiệp thuê vốn là: $MRP_K = r$, trong đó MRP_K là sản phẩm doanh thu cận biên của vốn và r là tiền thuê vốn.

Cầu về dịch vụ vốn



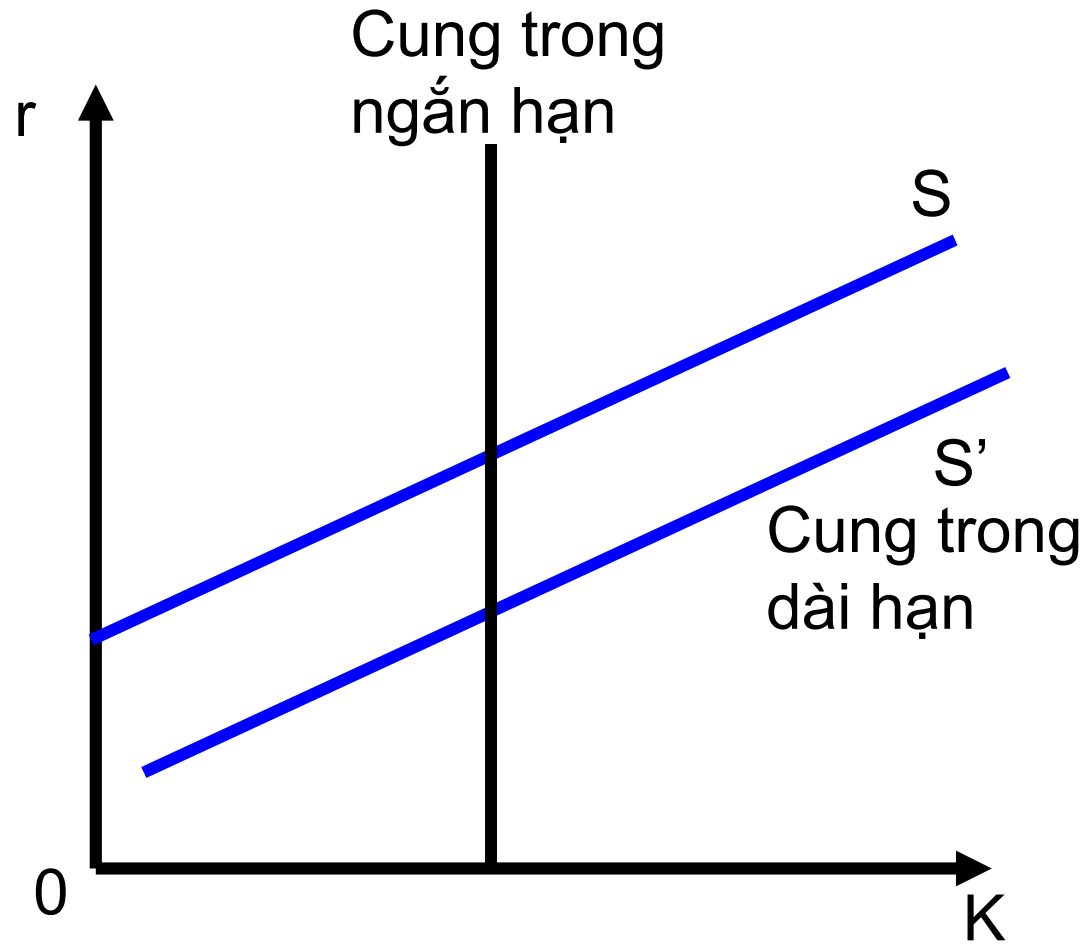
Các nhân tố làm thay đổi MRP_K

- Sản phẩm của hãng được tăng giá, điều này làm cho MRP_K có giá trị cao hơn.
- Sử dụng mức độ sử dụng của các yếu tố kết hợp với vốn, như lao động để sản xuất ra sản phẩm.
- Tiến bộ kỹ thuật làm tăng năng suất của vốn hiện vật đối với các yếu tố kết hợp khác, các đầu vào của DN.

Cung về dịch vụ vốn

- Trong ngắn hạn, cung của các tài sản vốn như máy móc, nhà xưởng, phương tiện giao thông,... với các dịch vụ mà ta cung cấp là cố định, trong thời gian ngắn không thể tạo ra được máy mới.
- Trong dài hạn, cung về dịch vụ vốn có thể thay đổi. Nhiều trang thiết bị và nhà máy mới được xây dựng để tăng dự trữ vốn.

Đồ thị cung ứng dịch vụ vốn



Sự điều chỉnh trạng thái cân bằng trên thị trường dịch vụ vốn

- Xem sách Kinh tế vi mô

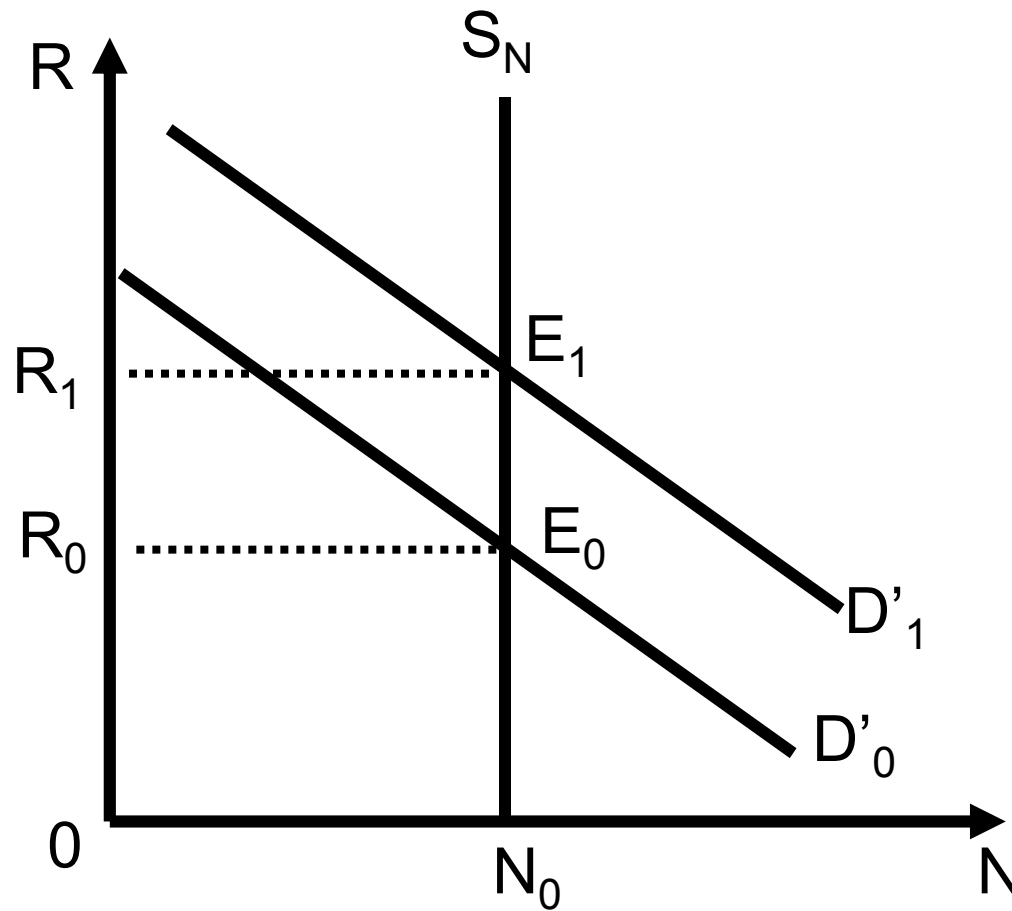
Thị trường đất đai

- Cung cầu về đất đai
- Tiền thuê đất đai

Cung cầu về đất đai

- Đất đai là yếu tố sản xuất đặc biệt do thiên nhiên cung ứng.
- Nó cung cấp một lượng cố định cho nền kinh tế. Cung đất đai là cố định kể cả trong ngắn hạn và dài hạn.
- Đường cung đất đai luôn là đường thẳng đứng song song với trục tung.
- Đường cầu đất đai vẫn là đường dốc xuống về phía phải tuân theo luật cầu.

Đồ thị về thị trường dịch vụ đất đai khi cầu về đất đai tăng



Tiền thuê đất đai

- Tiền thuê đất đai ký hiệu là R .
- Giá cả đất đai là tiền thuê đất đai.
- Giá trị của đất đai bắt nguồn từ giá trị của sản phẩm.

Tiền thuê đất đai

- Giá của đất đai phụ thuộc vào: đất đó được sử dụng vì mục đích gì, địa điểm có thuận lợi cho việc kinh doanh buôn bán, xây dựng hay không,...
- Giá cả trả cho việc sử dụng đất được gọi là tô kinh tế. Tô kinh tế là một khái niệm tương tự như thu nhập thuần túy, là phần thặng dư của người chủ đất.

Tô kinh tế

